

Số: **988**/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày **15** tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch sơ kết công tác CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn I (2011-2015) và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-BNV ngày 02/3/2015 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016-2020);

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 387/SNV-CCHC ngày 09/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sơ kết công tác CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn I (2011-2015) và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020) của Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCTUBND tỉnh;
- Lưu VT. ✓

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài

KẾ HOẠCH

Sơ kết công tác CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn I (2011-2015) và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020)

(Kèm theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu và các nhiệm vụ qua 5 năm triển khai thực hiện Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định 885/QĐ-UBND); trên cơ sở đó làm nổi bật những kết quả đã đạt được, làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm về CCHC nhà nước của giai đoạn I (2011-2015);

- Phát hiện những sáng kiến và cách làm hay, những điển hình tốt trong CCHC cần được nhân rộng để triển khai thực hiện trong giai đoạn II (2016-2020);

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và các nhiệm vụ của Quyết định 885/QĐ-UBND để làm căn cứ xây dựng phương hướng, nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn II (2016-2020).

2. Yêu cầu:

- Việc sơ kết phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức;

- Sơ kết phải căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định 885/QĐ-UBND; Kế hoạch CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

- Cần lấy ý kiến trực tiếp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đánh giá về các nội dung CCHC đã triển khai trong giai đoạn I (2011-2015) và cho ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC nhà nước giai đoạn II (2016-2020).

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo (theo đề cương đính kèm) tổ chức Hội nghị sơ kết giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020):

- Thời gian tổ chức sơ kết: **Tháng 5 năm 2015**;
- Thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện gửi Báo cáo sơ kết về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày **31/5/2015**.

2. Xây dựng các báo cáo sơ kết theo lĩnh vực trong 5 năm và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn II (2016-2020):

a) Nội dung các chuyên đề:

- *Sở Tư pháp 02 chuyên đề:*
 - + Chuyên đề thực hiện cải cách thể chế;
 - + Chuyên đề thực hiện cải cách thủ tục hành chính.
- *Sở Nội vụ 04 chuyên đề:*
 - + Chuyên đề đánh giá công tác chỉ đạo CCHC của tỉnh;
 - + Chuyên đề cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước;
 - + Chuyên đề xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (gắn với việc tổng kết Kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 2216/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND tỉnh);

+ Chuyên đề thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

- *Sở Tài chính:* Chuyên đề thực hiện cải cách tài chính công, trong đó, trọng tâm là thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Thông báo kết luận số 37/TB-TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị về Đề án Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.

- *Sở Khoa học và Công nghệ 02 chuyên đề:*

+ Chuyên đề thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về Doanh nghiệp khoa học và công nghệ;



+ Chuyên đề thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- *Sở Thông tin và Truyền thông*: Chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính và cung cấp dịch vụ công trong các cơ quan nhà nước.

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: Chuyên đề hiện đại hóa hành chính với trọng tâm việc thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã, phòng bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;

- *Sở Y tế*: Báo cáo kết quả cải cách, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công.

- *Sở Giáo dục và Đào tạo*: Báo cáo nội dung triển khai nhiệm vụ cải cách, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công.

- *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*: Báo cáo kết quả cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Thời gian thực hiện:

Các báo cáo chuyên đề gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày **31/5/2015** để tổng hợp xây dựng báo cáo sơ kết của tỉnh.

3. Xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết thực hiện công tác CCHC giai đoạn I (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020); Tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Thời gian: **Từ 01-20/6 năm 2015;**

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ;

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo sơ kết thực hiện giai đoạn I (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020):

- Thời gian: **Từ 20-30/6 năm 2015;**

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ;

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.



5. Tổ chức Hội nghị sơ kết gắn với công tác thi đua khen thưởng thực hiện giai đoạn I (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020):

a) Tổ chức Hội nghị sơ kết:

- Thời gian: **Tháng 7 năm 2015;**
- Cơ quan chủ trì: UBND tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan.

b) Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn I (2011-2015):

- *Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với tập thể:*
 - + Sở, ngành thuộc UBND tỉnh: 20% đơn vị (04 sở, ban, ngành);
 - + UBND cấp huyện: 25% đơn vị (02 đơn vị);
 - + UBND cấp xã: 10% đơn vị (16 đơn vị).
- *Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với cá nhân:*
 - + Sở, ngành thuộc UBND tỉnh: 05 cán bộ, công chức;
 - + UBND cấp huyện: 08 cán bộ, công chức;
 - + UBND cấp xã: 16 cán bộ, công chức.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện:

- Sở Nội vụ:

- + Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết cấp tỉnh; hướng dẫn các sở ngành, địa phương xét đề nghị và tổng hợp, xét, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện cải cách hành chính giai đoạn I theo chỉ tiêu, số lượng nêu trên;
- + Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí triển khai sơ kết giai đoạn I (2011-2015);
- + Chuẩn bị các nội dung cần thiết cho Hội nghị triển khai hướng dẫn sơ kết;
- + Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai kế hoạch sơ kết;
- + Xây dựng báo cáo chuyên đề sơ kết được phân công;
- + Tổng hợp chủ trì tổ chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan vào dự thảo Báo cáo sơ kết thực hiện công tác CCHC giai đoạn I (2011-2015) và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020).

- Sở Tài chính:

+ Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch sơ kết giai đoạn I (2011-2015) và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn II (2016-2020) theo dự toán trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ;

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề sơ kết được phân công.

- Các Sở: Tư pháp; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề sơ kết được phân công;

+ Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan vào dự thảo Báo cáo sơ kết thực hiện công tác CCHC giai đoạn I (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020).

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Quảng Bình; Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh: Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề thông tin, tuyên truyền sơ kết thực hiện công tác CCHC giai đoạn I và phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020).

2. Trách nhiệm thực hiện của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện:

- Triển khai Hội nghị sơ kết công tác CCHC giai đoạn I (2011-2015), tham gia xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020) theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức kiểm tra, khảo sát để tiến hành sơ kết có chất lượng, hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, kịp thời giải quyết./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo sơ kết công tác CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn I (2011-2015) và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn II (2016-2020) của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã

Phần thứ nhất

SƠ KẾT VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN I (2011-2015)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể

- Tình hình tổ chức học tập, phổ biến và quán triệt Chương trình tổng thể CCHC và các văn bản quan trọng khác có liên quan của các cơ quan, đơn vị, địa phương (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị)

- Đánh giá về mức độ nhận thức chấp hành triển khai thực hiện sau học tập, quán triệt của lãnh đạo các cấp và cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- Công tác xây dựng chương trình, kế hoạch CCHC (đánh giá mức độ cụ thể) của đơn vị để triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC;

- Các văn bản khác liên quan đến việc triển khai, thực hiện chương trình, kế hoạch;

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC;

- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác CCHC;

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị;

- Những sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được triển khai áp dụng.

3. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng Kế hoạch kiểm tra;

- Kết quả và mức độ thực hiện;

- Số lượng các lần tổ chức đoàn đi kiểm tra trong đó nêu rõ số đơn vị được kiểm tra;

- Những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

4. Thông tin, tuyên truyền

- Xây dựng kế hoạch và cách thức thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính hướng vào các nội dung chủ yếu: mục tiêu, nội dung của Chương trình tổng thể; cải cách thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông,...

- Đánh giá mức độ nắm bắt, hiểu biết... về chương trình, kế hoạch CCHC của đội ngũ cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị.

5. Nhận xét, đánh giá chung về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

II. SƠ KẾT, ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG CCHC THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung CCHC, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị.

b) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, đơn vị;

- Rà soát VBQPPL của cơ quan, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL tại cơ quan, đơn vị;

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của cấp trên.

b) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị;

- Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Việc ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của

Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

+ Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ hoàn thành kế hoạch, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát;

+ Việc thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ, của tỉnh; trong đó nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị;

+ Việc công bố, cập nhật thủ tục hành chính;

+ Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

- Về công khai thủ tục hành chính: Nêu cụ thể tình hình công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo có chế một cửa, một cửa liên thông; trên mạng Internet và các hình thức công khai khác. Trong đó nêu rõ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, số đơn vị hành chính cấp huyện công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; số lượng (hoặc tỷ lệ) thủ tục hành chính được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Tình hình triển khai và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương theo các cấp hành chính (tỉnh, huyện, xã). Trong đó cần làm rõ:

- Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện cơ chế một cửa;
- Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai thực hiện cơ chế một cửa;
- Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa;
- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa;
- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông;
- Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định;

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị.

Nêu rõ tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương kể cả đơn vị sự nghiệp công lập. Qua rà soát, đánh giá được các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các bộ về tổ chức bộ máy. Trong đó nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật;

- Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy;

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng chuyên môn cấp huyện;

- Tình hình quản lý biên chế của UBND các cấp;

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước. Về mô hình tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Về phân cấp quản lý

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định phân cấp tại cơ quan, đơn vị; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

d) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Việc xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, trong đó nêu rõ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, số đơn vị hành chính cấp huyện, số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công đã xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công có cơ cấu công chức, viên chức được

phê duyệt và mức độ thực hiện cơ cấu công chức trên thực tế của các cơ quan, đơn vị.

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, thống kê số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị.

d) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị. Trong đó, nêu rõ kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được phê duyệt.

đ) Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

- Việc thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh;
- Thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị;
- Chính sách thu hút người tài vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị.

e) Về công chức cấp xã

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó nêu rõ số lượng hoặc tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng hoặc tỷ lệ % số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức xã hàng năm theo quy định.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước.

c) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước;
- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao tại cơ quan, đơn vị.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

6. Về hiện đại hóa hành chính

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Hoàn thành và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên mạng Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2020;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân.

+ Việc xây dựng và ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị;

+ Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan, đơn vị;

+ Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện. Trong đó thống kê số cơ quan, đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản; số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ mạng LAN trong trao đổi công việc; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc;

+ Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ trực tuyến. Trong đó, thống kê số lượng thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến ở các mức độ 1,2,3,4;

+ Số lượng cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện có trang thông tin điện tử.

b) Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Báo cáo cụ thể tình hình triển khai và có bản Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan đơn vị cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện.

c) Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính tại địa phương

Nêu rõ tình hình đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan hành chính ở địa phương, trong đó có việc triển khai thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng trụ sở cấp xã, phường.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CCHC GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Chỉ rõ những mục tiêu, nội dung cải cách không đạt được hoặc đạt được ở mức độ thấp.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai CCHC

Phần thứ 2

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CCHC TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong phần này, ngoài những vấn đề đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2020; các cơ quan, đơn vị đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch CCHC trong thời gian tới, đề nghị tập trung vào những nội dung sau:

1. Về nội dung CCHC

2. Mục tiêu, kết quả dự kiến của Chương trình CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020

- Mục tiêu chung
- Các mục tiêu cụ thể
- Các kết quả, sản phẩm

3. Các giải pháp bảo đảm thực hiện chương trình CCHC tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020

4. Tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm triển khai

Phần thứ 3

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với UBND tỉnh những nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đánh mạnh CCHC trong thời gian tới.

2. Đề xuất biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan hành chính nhà nước để thực hiện tốt hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

PHỤ LỤC

**Báo cáo sơ kết cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn I (2011-2015)
của sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã**

STT	Nhiệm vụ/Tiêu chí	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1	Số văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị (Quyết định, Công văn hướng dẫn,...)						
2	Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh						
3	Số lượng các hình thức tuyên truyền CCHC tại cơ quan, đơn vị						
4	Số mô hình, sáng kiến cải cách hành chính được triển khai áp dụng						
5	Số VBQPPL do cơ quan, đơn vị ban hành hàng năm						
6	Số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh được rà soát, hệ thống hóa						
7	Số văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế						
8	Số văn bản đề nghị bãi bỏ, hủy bỏ						
9	Số thủ tục hành chính trong Bộ thủ tục hành chính của cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã						
10	Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương						
11	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ qua, đơn vị, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa						
12	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông						
13	Số cơ quan hành chính cấp tỉnh (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP)						

14	Số đơn vị hành chính cấp huyện						
15	Số đơn vị hành chính cấp xã						
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã)						
17	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp tỉnh, cấp huyện)						
18	Tổng số biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương						
19	Số lượng công chức cấp xã						
20	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định						
21	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm						
22	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, địa phương						
23	Số cán bộ, công chức được tập huấn qua hàng năm						
24	Số cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính						
25	Số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm						
26	Tỷ lệ số văn bản chisnht hức được trao đổi dưới dạng điện tử						
27	Tỷ lệ công chức được cấp hộp thư điện tử						
28	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản						
29	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc						
30	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Trang thông tin điện tử						

31	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có ban công bố ISO						
32	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông						
33	Số đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông						
34	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)						
35	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định						